

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Đã được soát xét



<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 24
<i>Phụ lục số 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</i>	25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 (số đăng ký kinh doanh cũ là 3003000054) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 10 năm 2013.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, okal, ván phủ veneer, ván phủ melamine, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ khác;
- Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Sản xuất, chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm từ gỗ, từ ván nhân tạo MDF, hàng nông sản, lâm sản, gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, chuẩn bị mặt bằng;
- Thi công các công trình điện dưới 22KV
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, giáo dục và đào tạo, xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh đầu tư chứng khoán;

Trụ sở chính của Công ty tại khu công nghiệp Nam Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 344.460.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 34.446.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp đến 30/06/2014 là 450.398.970.000 đồng, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	36.688.050	366.880.500.000	81,46%
Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	3.367.155	33.671.550.000	7,48%
Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	3.555.500	35.555.000.000	7,89%
Cổ đông khác	1.429.192	14.291.920.000	3,17%
Cộng	45.039.897	450.398.970.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Minh Châu	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Ngô Quang Minh	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Hữu Minh	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Văn Lưu	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Văn Đức Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tăng Vũ	Thành viên
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Khu CN Nam Đông Hà, T.p Đông Hà, Quảng Trị

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Cao Thanh Nam

Số: 80./BCKT/AVINA-IAFC/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị được lập ngày 19/7/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 30/6/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định về kế toán có liên quan.



ÔNG THẾ ĐỨC

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0855-2013-146-1

ĐINH THẾ HÙNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 1917-2013-146-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA - IAFC**

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.895.729.262	247.437.757.759
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		172.644.797.544	132.032.485.539
1. Tiền	111	V.01	38.539.925.305	32.963.867.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		134.104.872.239	99.068.618.010
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		177.821.566.413	53.894.913.149
1. Phải thu của khách hàng	131		34.107.581.495	23.975.449.316
2. Trả trước cho người bán	132		139.576.720.521	24.857.977.997
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HỖXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	5.645.198.901	6.569.420.340
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.507.934.504)	(1.507.934.504)
IV. Hàng tồn kho	140		61.564.325.923	60.149.442.852
1. Hàng tồn kho	141	V.03	61.564.325.923	60.149.442.852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.865.039.382	1.360.916.219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		687.091.430	741.392.767
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.747.806.155	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		21.224.866	21.269.414
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.408.916.931	598.254.038
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.216.880.959	213.704.867.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		224.804.877.817	207.635.771.424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	156.716.948.687	188.492.127.246
- Nguyên giá	222		486.448.642.208	487.869.968.735
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(329.731.693.521)	(299.377.841.489)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	519.884.658	260.373.653
- Nguyên giá	228		627.609.030	325.863.600
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(107.724.372)	(65.489.947)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	67.568.044.472	18.883.270.525
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	3.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.412.003.142	6.069.096.419
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.412.003.142	6.069.096.419
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		652.112.610.221	461.142.625.602

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		125.064.943.884	35.655.091.588
I. Nợ ngắn hạn	310		51.401.910.947	35.655.091.588
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		29.047.844.690	13.057.148.753
3. Người mua trả tiền trước	313		4.189.810.307	3.365.191.514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	2.337.508.696	5.382.414.059
5. Phải trả công nhân viên	315		4.298.804.475	6.201.286.949
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	10.780.558.775	6.380.482.278
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		747.384.004	1.268.568.035
II. Nợ dài hạn	330		73.663.032.937	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	73.663.032.937	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		527.047.666.337	425.487.534.014
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	527.047.666.337	425.487.534.014
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.398.970.000	344.459.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.999.994.000	11.999.994.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		38.108.557.204	29.326.526.672
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.427.608.235	10.427.608.235
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.112.536.898	29.273.435.107
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		652.112.610.221	461.142.625.602

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			602.789,75	857.585,19
- EUR			299,21	-
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Cao Duy Hải

Nguyễn Mạnh Cường

Cao Thanh Nam

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.13	178.581.128.218	166.878.123.246
2. Các khoản giảm trừ	02	V.14	437.582.216	21.182.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.15	178.143.546.002	166.856.941.246
4. Giá vốn hàng bán	11	V.16	135.794.778.353	131.928.639.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.348.767.649	34.928.301.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.17	3.192.273.299	4.846.352.147
7. Chi phí tài chính	22	V.18	165.228.011	55.444.981
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	V.19	24.018.034.703	23.526.112.814
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.20	3.962.932.265	3.822.805.197
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.394.845.969	12.370.291.031
11. Thu nhập khác	31		536.375.103	468.988.958
12. Chi phí khác	32		-	134.690.933
13. Lợi nhuận khác	40		536.375.103	334.298.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.931.221.072	12.704.589.056
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	1.818.684.174	1.722.491.536
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.112.536.898	10.982.097.520
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		448	319

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2014

Người lập



Cao Duy Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Cường

Tổng Giám đốc



Cao Thanh Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Đơn vị tính: đồng

CHI TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	180.513.045.835	185.927.242.567
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(277.658.195.454)	(161.831.330.266)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.674.920.742)	(7.509.294.455)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.601.322.197)	(2.873.721.752)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	237.185.990	2.266.261.221
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.083.088.412)	(15.055.429.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(127.267.294.980)	923.727.565
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(836.817.475)	(128.638.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	65.979.083
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.528.095.454	4.315.229.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.691.277.979	4.252.570.111
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	105.939.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73.663.032.937	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.484.645.025)	(829.405.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	166.117.387.912	(829.405.479)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.541.370.911	4.346.892.197
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	132.032.485.539	123.706.756.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	70.941.094	3.858.932
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	172.644.797.544	128.057.507.471

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2014

Người lập

Cao Duy Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Cường

Tổng Giám đốc



Cao Thanh Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 (số đăng ký kinh doanh cũ là 3003000054) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số Khu công nghiệp Nam Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo MDF, okal, ván phủ venneer, ván phủ melamine, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ khác;
- Trồng, mua bán và khai thác nguyên liệu để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Sản xuất, chế biến kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm từ gỗ, từ ván nhân tạo MDF, hàng nông sản, lâm sản, gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, chuẩn bị mặt bằng;
- Thi công các công trình điện dưới 22KV
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, giáo dục và đào tạo, xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh đầu tư chứng khoán;

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ quản lý: Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.